TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 10 - 2018
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nhuận;

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đậu Thị Loan, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 801/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 - 9 - 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1964; thường trú: khu phố H, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị Lệ T, sinh năm 1970; thường trú: khu phố H, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 7 năm 2018, quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn R trình bày:

Ông Nguyễn Văn R và bà Hồ Thị Lệ T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không còn tình cảm yêu thương gì với nhau nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông R yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1986 và Nguyễn Thị Thủy N, sinh ngày 23/01/1990. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản sao: Giấy chứng minh nhân dân ông R: Sổ hộ khẩu hộ khẩu của ông R; Giấy khai sinh con chung; Bản chính giấy chứng nhận kết hôn.

+ Trong biên bản ghi lời khai ngày 30-7-2018, quá trình tố tụng, bị đơn bà Hồ Thị Lệ T trình bày:

Bà T thống nhất về quan hệ hôn nhân và con chung như ông R trình bày. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bà T phát hiện ông R có quan hệ bất chính với một người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên lớn tiếng cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay, ông R không quan tâm, chăm sóc bà T nhưng bà T vẫn chấp nhận. Do bà T vẫn còn tình cảm với ông R nên không đồng ý yêu cầu xin ly hôn của ông R.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1986 và Nguyễn Thị Thủy N, sinh năm 1990. Các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản photo Giấy chứng minh nhân dân bà T; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 182/2016/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2016.

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc "Ly hôn" .

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn R và bị đơn bà Hồ Thị Lệ T đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên tiến hành xét xử theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Văn R và bà Hồ Thị Lệ T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương) vào năm 1996, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 03/7/1996 nên hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì:

Ông R và bà T thừa nhận quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn của vợ chồng và thời gian ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Từ khi ly thân, nguyên đơn và bị đơn cũng không quan tâm, chăm sóc hay hòa giải mâu thuẫn với nhau. Vào tháng 5 năm 2016, ông R nộp đơn xin ly hôn, tuy nhiên vì muốn vợ chồng có cơ hội khắc phục, hàn gắn nên ông R rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đã ban hành quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 182/2016/QĐST-HNGĐ ngày 23

tháng 6 năm 2016 nhưng ông R và bà T vẫn không thể hàn gắn, xây dựng gia đình hạnh phúc. Điều này thể hiện mâu thuẫn của vợ chồng ông R và bà T là có trên thực tế, hiện nay mỗi người đã có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, bền vững, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của ông R về việc xin ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1986 và Nguyễn Thị Thủy N, sinh ngày 23/01/1990. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông R về việc ly hôn với bà T.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn R về việc "Ly hôn" với bà Hồ Thị Lệ T.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn R được ly hôn với bà Hồ Thị Lệ T.

- Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1986 và Nguyễn Thị Thủy N, sinh ngày 23/01/1990. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn R phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0023891 ngày 24-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Anh Thi

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- THADS thị xã Thuận An;
- Đương sự;
- UBND phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- Phòng Tư pháp thị xã Thuận An;
- Lưu HS, AV.